TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1991; CCCD số 075191021113 cấp ngày 31/8/2021.

Nơi thường trú: Tổ 3, ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Khóm 3, ấp 57, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn Th**, sinh năm: 1976; CCCD số 035076010427.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh Th vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phạm Văn Th tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện

Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai ngày 01/11/2010. Đây là hôn nhân lần đầu của chị T.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khoảng 10 năm nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, lớn tiếng và xúc phạm danh dự nhau. Anh Th không quan tâm lo lắng đến gia đình mà thường kiếm chuyện vô cớ chửi bới chị T, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Thêm vào đó tiền bạc do anh Th quản lý mỗi lần muốn chi tiêu gì thì cũng phải hỏi xin anh Th nên chị T cảm thấy không được tôn trọng, chị T thừa nhận do chán nản nên chị Thắm có thường xuyên bỏ nhà ra ngoài sống một thời gian rồi sau đó vợ chồng có hòa giải nên chị T quay về sống cùng anh Th, tuy nhiên được một thời gian thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Thậm chí có lần anh Th đuổi chị T ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn trầm trọng nên khoảng giữa tháng 7/2024 chị T đã chuyển về nhà cha mẹ ruột để sinh sống cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Thắm cũng không qua lại nhà chồng từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Phạm Mạnh Q, sinh ngày 24/10/2011. Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu Tr và cháu Q cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị T không cấp dưỡng nuôi con. Do hiện tại chị T không có công việc ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/8/2024 chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Phạm Văn Th:*** Anh Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận ý kiến trình bày.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị T và anh Th ly hôn. Giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Phạm Mạnh Q, sinh ngày 24/10/2011 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Phạm Văn Th. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Th đều vắng mặt, ngày 26/8/2024 chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Th và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn Th hiện đang cư trú tại ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, anh Phạm Văn Th là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Th khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/11/2010 (BL 02) theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị T và anh Th đã để xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài. Vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân nhưng sau đó vẫn quay về đoàn tụ, tuy nhiên được thời gian tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay (BL 24, 25, 31, 32). Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn,

không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Th và địa phương nơi cư trú. Cho thấy anh Th vẫn sinh sống tại địa phương, đi làm và về nhà hàng ngày. Mẹ ruột của anh Th sống cùng nhà đã nhận và giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Th. Tuy nhiên, anh Th không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của chị T gửi cho Tòa án, cũng không đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc. Qua trình bày của chị T và kết quả xác minh của người thân của anh chị cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã thiếu sự tin tưởng, nghi ngờ nhau dẫn đến không còn quan tâm và tôn trọng lẫn nhau trong thời gian dài. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy anh Th có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm của anh và chị T, không tham gia các buổi hòa giải và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy Tòa án cũng không có điều kiện để hòa giải mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị chị T và anh Th tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[7] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh Th chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Phạm Mạnh Q, sinh ngày 24/10/2011. Hiện nay 02 con chung sống đang sống cùng anh Th.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị T và anh Th mâu thuẫn phải sống ly thân 02 con chung do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, ngoài ra hiện nay anh đang sống cùng cha mẹ nên có sự hỗ trợ cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời qua lấy lời khai cháu Q và cháu Tr đều có nguyện vọng được sống cùng cha sau khi cha mẹ ly hôn. Nhận thấy, anh Th có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cùng như phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi nên cần tiếp tục giao cháu Q và cháu Tr cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T không đồng ý cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con do hiện nay chị không có nghề nghiệp ổn định do đó tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với anh Phạm Văn Th. Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Th ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Phạm Mạnh Q, sinh ngày 24/10/2011 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.2] Sau khi ly hôn chị T vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008055 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã L, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 92 ngày 07/9/2017, quyển số 01/2010 ngày 01/11/2010);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường